

**CÔNG TY CỔ PHẦN SATAHA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SATAHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SATAHA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SATAHA

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109265244

**3. Ngày thành lập:** 15/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22 Ngõ 1 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0919937986

Fax:

Email: [satahavn@gmail.com](mailto:satahavn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ dạy về tôn giáo và các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                       | 8559(Chính) |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                          | 4610        |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                        | 5510        |
| 4.  | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                               | 5590        |
| 5.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                  | 4791        |
| 6.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                          | 4799        |
| 7.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                | 5820        |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                            | 6201        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu                                                            | 6311        |
| 10. | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ giao dịch thương mại điện tử<br>- Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp<br>- Thiết lập mạng xã hội | 6312        |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                    | 6399        |

|     |                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động ủy thác về đầu tư, kinh doanh tài chính và chứng khoán)                   | 6619 |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                                          | 7310 |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                           | 7320 |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                             | 7710 |
| 16. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                      | 7721 |
| 17. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                           | 7722 |
| 18. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                          | 7729 |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                     | 7730 |
| 20. | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính                                                                                                             | 7740 |
| 21. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                         | 7820 |
| 22. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                 | 7830 |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                            | 8110 |
| 24. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                              | 8121 |
| 25. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                              | 8211 |
| 26. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                           | 8219 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                       | 8220 |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                          | 8230 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá và dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299 |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                            | 8560 |
| 31. | Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình                                                                                        | 9700 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 30.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐOÀN THỊ HOA   | Bản Lầu, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 600        | 6.000.000             | 2,000     | 050598054                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 600        | 6.000.000             | 2,000     |                                                                                             |         |
| 2   | ĐOÀN DUY TRUNG | Khu 7, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 600        | 6.000.000             | 2,000     | 151048047                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 600        | 6.000.000             | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐOÀN THỊ QUYÊN | Thôn Tu Trinh, Xã Hồng Dũng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 3.800      | 38.000.000            | 12,670    | 034179003801                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 25.000     | 250.000.000           | 83,330    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 28.800     | 288.000.000           | 96,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN THỊ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 15/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034179003801

Ngày cấp: 03/09/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tu Trình, Xã Hồng Dũng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P401 Khu tập thể Bộ nông nghiệp, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội